

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16 / 6 / 2022
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Trịnh Văn Bé;
 2. Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 360/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Minh T, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: số 1/78C, tổ 03, xã T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

Bị đơn: Ông Cao Văn M, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Minh T trình bày, sau thời gian quen biết và tìm hiểu, bà T và ông M kết hôn năm 2009, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, bà T và ông M có sinh 02 con chung

tên Cao Trần Diễm M, sinh ngày 09/12/2010 và Cao Trần Tuyết N, sinh ngày 05/02/2014. Hiện các con chung đang sống cùng với bà T; không có tài sản chung, nợ chung.

Từ đầu năm 2021 đến nay, bà T và ông M thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống và không còn sống chung từ thời gian đó cho đến nay.

Do tình cảm không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông M; bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông M không cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Các giấy khai sinh của Cao Trần Diễm M, sinh ngày 09/12/2010 (trích lục bản sao), Cao Trần Tuyết N, sinh ngày 05/02/2014 (trích lục bản sao); tờ khai đăng ký kết hôn ngày 29/12/2010.

Theo tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Cao Văn M trình bày, sau thời gian quen biết và tìm hiểu, ông M và bà T kết hôn năm 2009, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, bà T có sinh 02 con chung tên Cao Trần Diễm M, sinh ngày 09/12/2010 và Cao Trần Tuyết N, sinh ngày 05/02/2014; không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết tài sản chung, nợ chung.

Ông M và bà T sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và không còn sống chung cho đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên ông M đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T; ông M đồng ý để bà T tiếp tục nuôi con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa:

- Trong quá trình giải quyết vụ án bà T, ông M có yêu cầu xin xét xử vắng mặt và có ý kiến như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không có tài liệu, chứng cứ khác giao nộp cho Tòa án chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Minh T và ông Cao Văn M quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng không tôn trọng nhau, thường xuyên mâu thuẫn không thể giải quyết, do không thể hàn gắn được nên ly thân. Nay, yêu cầu ly hôn với ông M.

Xét thấy, kèm theo đơn khởi kiện, bà T cung cấp tờ khai đăng ký kết hôn ngày 29/12/2010 tại UBND xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Theo Công văn số 853 ngày 03/6/2022 của UBND xã Vĩnh An, xác định không tìm thấy thông tin kết hôn giữa bà T và ông M nên có cơ sở xác định bà T và ông M chung sống nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định nên căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận bà T và ông M là vợ chồng.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Cao Trần Diễm M, sinh ngày 09/12/2010, Cao Trần Tuyết N, sinh ngày 05/02/2014. Đang sống với bà T. Khi ly hôn yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, bà T, ông M thống nhất để 02 con chung cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ông M không phải cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, 02 cháu My và Nhi đều có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bà T nên cần ghi nhận nguyện vọng của con chung tiếp tục giao các con chung cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 14, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị:

- Không công nhận bà Trần Thị Minh T và ông Cao Văn M là vợ chồng.

- Bà Trần Thị Minh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung tên Cao Trần Diễm M, sinh ngày 09/12/2010, Cao Trần Tuyết N, sinh ngày 05/02/2014. Ông Cao Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Trần Thị Minh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Cao Văn M. Đồng thời, ông M cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Trần Thị Minh T và ông Cao Văn M đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông M theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Minh T và ông Cao Văn M thống nhất, sau thời gian quen biết và tìm hiểu, bà T và ông M kết hôn vào năm 2009 nhưng không đăng ký kết hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T cung cấp Tờ khai đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xác nhận ngày 29/12/2010. Tuy nhiên theo Công văn số 853/CV-UBND ngày 03/6/2022, Ủy ban nhân dân xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang cung cấp, theo kết quả tra cứu sổ đăng ký kết hôn được lưu tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh An, không tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn của bà Trần Thị Minh T và ông Cao Văn M.

Xét, bà T và ông M chung sống với nhau vào năm 2009. Mặc dù, có đủ điều kiện kết hôn nhưng bà T, ông M không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vì vậy, không công nhận bà T và ông M là vợ chồng theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông M xác định trong thời gian chung sống, bà T, ông M có sinh 02 con chung tên Cao Trần Diễm M, sinh ngày 09/12/2010 và Cao Trần Tuyết N, sinh ngày 05/02/2014.

Xét thấy, 02 con chung đang được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định; ông M đồng ý để bà T chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Bên cạnh đó, khi Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến thì 02 con chung có nguyện vọng được sống với bà T trong trường hợp bà T, ông M ly hôn. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho 02 cháu, giúp 02 cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu My, cháu Nhi cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu My, Nhi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T, ông M xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông M không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị Minh T và ông Cao Văn M là vợ chồng.

2. Về con chung:

- Bà Trần Thị Minh T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Cao Trần Diễm M, sinh ngày 09/12/2010 và Cao Trần Tuyết N. Ông Cao Văn M không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Trần Thị Minh T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Cao Văn M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Minh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010456 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 4 năm 2022; bà Trần Thị Minh T đã nộp đủ án phí.

Ông Cao Văn M không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Bà Trần Thị Minh T, ông Cao Văn M có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Thúy